ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 59 /2016/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 20 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khóa IX, kỳ họp thứ 3 về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền phí, lệ phí thu được trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 3081/STC-QLNS ngày 19 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết lần đầu như sau:

Nội dung	Mức thu
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo

Nội dung	Mức thu
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	16 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	9 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	17 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 5: Dự án giao thông: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	7 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	15 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 6: Dự án công nghiệp: Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	8 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	18 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	20 triệu đồng/1 báo cáo
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1 đến nhóm 6): Tổng vốn đầu tư:	
≤ 50 tỷ đồng	5 triệu đồng/1 báo cáo
>50 và ≤ 100 tỷ đồng	6 triệu đồng/1 báo cáo
>100 và ≤ 200 tỷ đồng	10 triệu đồng/1 báo cáo
>200 tỷ đồng	12 triệu đồng/1 báo cáo

2. Thẩm định bổ sung, thẩm định lại: mức thu bằng 50% mức thu trên.

Điều 2. Đối tượng chịu phí

Tổ chức, cá nhân là chủ các dự án đầu tư thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải nộp phí.

Điều 3. Cơ quan thu phí

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có nhiệm vụ tổ chức thu phí.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Cơ quan thu phí được trích để lại 60% trên tổng số phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị

định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Tổng số tiền phí thực thu được, sau khi trừ số tiền được trích theo tỷ lệ quy định, số còn lại (40%) cơ quan thu phí phải nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, cơ quan thu phí phải lập dự toán và quyết toán thu, chi tiền thu phí theo quy định gửi cơ quan quản lý ngành, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí được trích để lại chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

4. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, thay thế Quyết định số 47/2014/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 6;
- LĐVP, CVK;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh.

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng